

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày 29-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Tú Nhi;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 442/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Trọng H, sinh năm 1979. Thường trú: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1979. Địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 20 tháng 02 năm 2023), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1995, địa chỉ: khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không rõ lý do.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1976, địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không rõ lý do.

- **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đỗ Trọng H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/6/2021, ông Nguyễn Xuân D vay của ông Đỗ Trọng H số tiền 200.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ (không đề ngày, tháng, năm). Do có mối quan hệ quen biết từ lâu, tin tưởng nhau và do không hiểu biết pháp luật nên ông H không yêu cầu ông D phải ghi ngày tháng năm vào giấy xác nhận nợ nhưng thực tế ông D nhận tiền và viết giấy xác nhận nợ vào ngày 26/6/2021. Ông H giao tiền cho ông D tại nhà của ông H. Theo nội dung giấy xác nhận nợ, thời hạn vay tiền là 02 năm trả góp mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng từ khi vay tiền đến nay, ông D vẫn chưa trả cho ông H bất kỳ khoản tiền nào.

Cùng ngày 26/6/2021, tại Công ty TNHH MTV Đ (do bà Nguyễn Thị T làm người đại diện theo pháp luật), địa chỉ: phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, ông H có nhờ bà T soạn thảo Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2021 giữa ông Đỗ Trọng H với bị đơn ông Nguyễn Xuân D về việc vay mượn số tiền 550.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay kể từ ngày 26/6/21 đến ngày 01/01/2022; phương thức vay là tiền mặt; lãi suất 1%/tháng, trả lãi vào ngày 26 (dương lịch) hàng tháng. Đồng thời, ngày 26/6/2021, bà Nguyễn Thị S (mẹ của ông D) có làm giấy cam kết trả nợ số tiền 550.000.000 đồng và lãi suất thay cho Nguyễn Xuân D trước ngày 02/01/2022. Sau khi lập hợp đồng vay tiền, ông H giao số tiền 550.000.000 đồng cho ông D tại nhà ông H tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, việc giao nhận tiền được thực hiện giữa ông H và ông D mà không có người khác chứng kiến. Sau khi vay tiền, ông D không trả lãi hàng tháng và gốc cho ông H theo như nội dung thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền. Bà S cũng không thực hiện cam kết trả nợ thay cho ông D như nội dung Giấy cam kết trả nợ ngày 26/6/2021.

Do ông D và bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy xác nhận nợ, Hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2021, Giấy cam kết trả nợ ngày 26/6/2021 nên ông Đỗ Trọng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

1. Buộc ông Nguyễn Xuân D phải trả lại cho ông Đỗ Trọng H 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị S phải liên đới trả lại cho ông Đỗ Trọng H số tiền 550.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2021, không yêu cầu tính lãi suất.

- Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Xuân D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S nhưng ông D và bà S vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có văn bản trình bày lời khai: Ngày 26/6/2021, tại Công ty TNHH MTV Đ (do bà T làm người đại diện theo pháp luật), địa chỉ: phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, ông H có nhờ

bà T soạn thảo Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2021 giữa ông Đỗ Trọng H với bị đơn ông Nguyễn Xuân D về việc vay mượn số tiền 550.000.000 đồng. Bà T có chứng kiến việc ký kết Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2021 giữa ông H và ông D, còn việc giao nhận tiền và thực hiện hợp đồng như thế nào thì bà T không biết. Ngoài ra bà T không biết gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Đỗ Trọng H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân D có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ: khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Xuân D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Xuân D vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ vay tài sản:

[4.1] Theo Giấy nhận nợ không ghi ngày tháng năm có dấu lặn tay và chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Xuân D do ông Đỗ Trọng H cung cấp có nội dung: ông D thừa nhận nợ ông H số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là 02 năm, trả góp mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất. Giấy vay tiền không đề ngày tháng năm nhưng nguyên đơn thừa nhận giấy xác nhận nợ được lập vào ngày 26/6/2021. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn

ông Nguyễn Xuân D không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác phần trình bày cũng như chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ vào Giấy nhận nợ và lời khai của nguyên đơn ông H có cơ sở xác định ông H và ông Diêu có xác lập quan hệ vay tài sản, ông D có vay của ông H số tiền 200.000.000 đồng.

[4.2] Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2021 có nội dung: ông D vay của ông H số tiền 550.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay kể từ ngày 26/6/2021 đến ngày 01/01/2022, phương thức vay là tiền mặt, lãi suất 1%/tháng, trả lãi vào ngày 26 (dương lịch) hàng tháng. Người làm chứng bà Nguyễn Thị T thừa nhận chứng kiến việc ông H và ông D ký tên vào hợp đồng vay tiền nêu trên. Ông H xác định đã giao cho ông D 550.000.000 đồng tại nhà ông H. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Xuân D không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác phần trình bày cũng như chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2021 và lời khai của nguyên đơn ông H có cơ sở xác ông D vay của ông H 550.000.000 đồng.

[5] Về nghĩa vụ thanh toán:

[5.1] Đối với số tiền 200.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ không đề ngày, tháng, năm, bị đơn ông Nguyễn Xuân D không thanh toán tiền cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự, ông D có nghĩa vụ thanh toán cho ông H số tiền 200.000.000 đồng.

[5.2] Đối với số tiền 550.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 26/6/2021: như tại mục [4.2] đã nhận định ông D là người vay tiền từ ông H, quan hệ vay tài sản được xác lập giữa ông H và ông D, nguyên đơn căn cứ vào Giấy cam kết đề ngày 26/6/2021 của bà Nguyễn Thị S để yêu cầu ông D và bà S liên đới thanh toán số tiền 550.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy cam kết có nội dung bà S cam kết sẽ thanh toán đầy đủ các khoản gốc và lãi cho ông H trong thời hạn từ ngày 26/6/2021 đến trước ngày 01/01/2022, nếu đến ngày 01/02/2022 không thanh toán thì các bên sẽ gia hạn thêm 07 tháng tính từ ngày 01/01/2022. Lời khai của bà S thừa nhận ký tên và lăn tay vào giấy cam kết là nhằm mục đích cùng ông D trả nợ cho ông H. Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho bên thế nghĩa vụ nếu được bên có nghĩa vụ đồng ý”...khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ*”. Như vậy, nghĩa vụ trả nợ của ông D được chuyển giao cho bà S nên ông D và bà S có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền cho ông H. Tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bị đơn ông D và bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 370 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ông H khởi kiện yêu cầu ông D và bà S liên đới thanh toán 550.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5.3] Về tiền lãi: đối với số tiền 200.000.000 đồng, ông H thừa nhận vay không có lãi suất. Đối với số tiền 550.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 26/06/2021 có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 26/6/2021 đến ngày 01/01/2022 nhưng bị đơn ông D chưa thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi đối với cả 02 khoản vay theo Giấy nhận nợ và Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2021. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng H nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 124, khoản 1 Điều 147, c khoản 1 Điều 217 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều: 280, 370, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trọng H đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1 Buộc ông Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ trả lại cho ông Đỗ Trọng H 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

1.2 Buộc ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị S phải liên đới trả lại cho ông Đỗ Trọng H 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Xuân D phải chịu 10.000.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị S phải liên đới

chịu 26.000.000 đồng. Hoàn trả cho ông Đỗ Trọng H 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005908 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- Chi cục THADS thành phố D (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuyên